

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG QUỐC TẾ AN HUNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG QUỐC TẾ AN HUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN HUNG INTERNATIONAL CONSUMER GOODS CORPORATION

Tên công ty viết tắt: AN HUNG ICC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109561645

3. Ngày thành lập: 22/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 60, phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0852720121/ 0986314405

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất đường	1072
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
11.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
13.	Sản xuất chè	1076
14.	Sản xuất cà phê	1077
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17.	Sản xuất rượu vang	1102
18.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
19.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
20.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
21.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
22.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

23.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
24.	Sản xuất giày, dép	1520
25.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
26.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
27.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
28.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
29.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
30.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
31.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
32.	In ấn	1811
33.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
34.	Sao chép bản ghi các loại	1820
35.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
37.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
38.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
39.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
40.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
43.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
44.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
45.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
46.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
47.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
48.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
49.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
50.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
53.	Thu gom rác thải độc hại	3812
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
56.	Tái chế phế liệu	3830

57.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
63.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
68.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
69.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
70.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
71.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
72.	Bán buôn đồ uống	4633
73.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
74.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
77.	Bán buôn tổng hợp	4690
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
79.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
80.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
81.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
82.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
83.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
85.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
87.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
88.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

89.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
90.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
91.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
92.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
94.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
95.	Bưu chính	5310
96.	Chuyển phát	5320
97.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
98.	Cơ sở lưu trú khác	5590
99.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
100.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
101.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
102.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
103.	Xuất bản phần mềm	5820
104.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
105.	Quảng cáo	7310
106.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
107.	Cho thuê xe có động cơ	7710
108.	Đại lý du lịch	7911
109.	Điều hành tua du lịch	7912
110.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
111.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
112.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
113.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
114.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
115.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
116.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
117.	Dịch vụ đóng gói	8292
118.	Giáo dục nhà trẻ	8511
119.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
120.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
121.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
122.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
123.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

124.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
125.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
126.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
127.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

6. Vốn điều lệ: 9.988.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ BÍCH THỦY	thôn Yên Kỳ, Xã Phú Sơn, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.940	499.400.000	5,000	111585311	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	49.940	499.400.000	5,000		

2	VŨ MẠNH DŨNG	22/80/3, Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	419.496	4.194.960.000	42,000	0250840002 31
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	419.496	4.194.960.000	42,000	
3	PHÙNG MẠNH HÙNG	thôn Yên Kỳ, Xã Phú Sơn, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.940	499.400.000	5,000	0010780178 75
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	49.940	499.400.000	5,000	
4	TRẦN THỊ VÂN ANH	22/80/3, Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	479.424	4.794.240.000	48,000	0401880002 03
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	479.424	4.794.240.000	48,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 09/09/1988

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040188000203

Ngày cấp: 26/08/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22/80/3, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 22/80/3, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội